

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/8/2025 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-75cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-40cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/08 hầu hết ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-25cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn lên theo triều biển Tây. Mực nước cao nhất và thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-30cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên dần trong những ngày tới, biên độ nước lên trung bình từ 3-6cm/ngày.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước lên nhanh theo xu thế triều biển Đông, biên độ nước lên trung bình từ 5-10cm/ngày.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm theo triều và mưa nội vùng trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây đến ngày 08/08, sau xuống chậm lại theo triều.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 8/8/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 06/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			07/8	08/8	09/8	10/8	11/8	07/8	08/8	09/8	10/8	11/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	229	72	0	262	37	3	265	273	279	283	284	232	236	242	250	256
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	128	38	16	205	5	30	214	219	224	229	232	127	129	132	135	139
Hậu	Khánh An	420	470	520	373	64	72	377	56	64	378	381	384	389	394	374	376	379	383	387
	Châu Đốc	300	350	400	171	28	-1	221	-6	11	224	232	238	242	243	169	173	178	184	190
	Long Xuyên	190	220	250	79	19	22	179	-19	22	196	206	214	222	228	80	83	86	92	98
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	137	37	7	206	2	20	215	223	231	236	238	137	140	145	151	157
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	116	7	7	118	5	-23	119	121	123	126	129	117	119	121	124	127
	Vĩnh Gia	200	240	280	42	-19	-18	50	-19	-17	50	52	54	57	60	40	42	44	46	49
	Vĩnh Điều	170	200	230	37	-18	-23	49	-20	-25	49	51	53	56	59	35	37	39	41	44
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	34	-23	-26	46	-19	-22	46	48	50	53	56	32	34	36	38	41
T5	Nông Trường	160	190	220	45	-17	-18	52	-18	-20	52	54	56	59	62	43	45	47	49	52
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	90	2	-8	97	-5	-8	97	99	101	104	107	88	90	92	94	97
	Cô Tô	140	180	220	86	-8	10	93	-9	13	93	95	97	100	103	84	86	88	90	93
	Nam Thái Sơn	90	120	150	48	-15	-	63	-10	-	63	65	67	70	73	46	48	50	52	55
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	46	-15	-19	52	-15	-20	52	54	56	59	62	44	46	48	50	53
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	96	-6	13	107	-8	17	107	109	111	114	117	94	96	98	100	103
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	134	9	14	157	-2	23	157	159	161	164	167	132	134	136	138	141
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	67	-22	-26	89	-24	-13	89	91	93	96	99	65	67	69	71	74
	Tân Thành	120	150	180	63	-13	-7	78	-10	-4	78	80	82	85	88	61	63	65	67	70
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	47	-13	-4	60	-12	-2	60	62	64	67	70	45	47	49	51	54
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-17	-6	-3	34	-12	-10	35	36	38	40	42	-16	-14	-13	-10	-7
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-30	-29	-7	52	-3	5	59	70	69	64	59	-33	-36	-33	-30	-26

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





